

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/DS-ST**
Ngày 29 - 01 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 703/2020/TLST- DS ngày 15/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.** (Gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạnh D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Diệp Lâm Kỳ P** – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cà Mau. (Theo Giấy ủy quyền số: 3977/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc).

Người được ông Phương ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Bình P** – Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng – Phòng kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Cà Mau. (Theo Giấy ủy quyền số: 973/2020/UQ-CNCM ngày 06/10/2020 của Giám đốc chi nhánh Cà Mau).

Địa chỉ nhận thông báo: Số 164A, Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Phương có mặt. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 của nguyên đơn, lời trình bày của ông Phương có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Ngày 23/4/2020 bà T ký hợp đồng tín dụng số 00341-00502 với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Phòng giao dịch S để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh quán ăn, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2%/tháng, hình thức cho vay tín chấp trả góp hàng ngày thành 183 kỳ, mỗi kỳ trả 612.300 đồng, riêng kỳ cuối trả 594.277 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà T toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng, bà T đã trả góp cho Ngân hàng được 84 kỳ với tổng số tiền 51.437.568 đồng (Trong đó: Vốn đã trả 45.906.000 đồng, lãi đã trả 5.531.568 đồng). Sau đó bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ qua nợ quá hạn từ ngày 17/7/2020. Tính đến ngày 29/01/2021 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng).

Ông Ph đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông bà Phạm Thị T trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng) tính đến ngày 29/01/2021 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/01/2021.

- Lời trình bày của bà T tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 12/01/2021 có tại hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng năm 2015 - 2016 không nhớ chính xác thời gian, bà T có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay làm vốn buôn bán. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã được Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng, bà T thực hiện trả nợ góp hàng ngày đầy đủ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng cho bà T góp hàng tuần, bà T góp được 100 ngày (bình quân mỗi ngày góp là 640.000 đồng) thì đáo hạn lại hợp đồng. Sau khi đáo hạn lại hợp đồng thì bà T đã trả góp nợ cho Ngân hàng đầy đủ cho đến ngày bị bắt tạm giam (cách nay khoảng 07 tháng). Bà T xác định hiện nay còn dư nợ tại Ngân hàng chưa trả xong.

Bà T đồng ý trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ 60.599.600 đồng tính đến ngày 06/10/2020, nhưng xin trả góp hàng ngày vì trả một lần bà T không có tiền trả.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn Phạm Thị T trả cho Ngân hàng tổng số tiền 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng) tính đến ngày 29/01/2021 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể

từ ngày 30/01/2021.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã giao kết, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Giao dịch dân sự giữa các đương sự đã được thực hiện và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết tại thời điểm giao kết hợp đồng để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy qua làm việc với bị đơn thì bị đơn đã thừa nhận có vay của nguyên đơn Ngân hàng hương mại cổ phần S số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay làm vốn buôn bán, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã nhận giải ngân từ Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời thừa nhận hiện nay bị đơn còn dư nợ tại Ngân hàng chưa trả xong tính đến ngày 06/10/2020 với tổng số tiền là 60.599.600 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn thực tế có vay tiền của Ngân hàng và đã được giải ngân, hiện nay còn dư nợ với tổng số tiền 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng) tính đến ngày 29/01/2021 chưa thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và luật chung. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng và thời hạn vay theo hợp đồng đã hết, nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ này cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng) tính đến

ngày 29/01/2021 và lãi phát sinh từ ngày 30/01/2021 theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

[5] *Về án phí*: Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí 5% đối với số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn, nhưng bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí, nên được xem xét miễn nộp án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

+ Buộc bị đơn Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ 60.599.600 đồng (Trong đó: Nợ vốn 54.094.000 đồng, nợ lãi 6.505.600 đồng) tính đến ngày 29/01/2021. Kể từ ngày 30/01/2021 bị đơn Phạm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 00341-00502 ngày 23/4/2020 được ký kết giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Bị đơn Phạm Thị T được miễn án phí.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.515.000 đồng theo biên lai thu số: 0004418 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải